TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**ĐỒ ÁN MÔN CHUYÊN ĐỀ CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

**ỨNG DỤNG QUẢN LÍ PHÒNG KARAOKE**

*Người hướng dẫn*: **Thầy Vũ Đình Hồng**

*Người thực hiện*: **Bùi Hải Dương – 51503050**

**Trần Thế Châu– 51503092**

Lớp **: 15050303**

Khoá  **: 19**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**ĐỒ ÁN MÔN CHUYÊN ĐỀ CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

**ỨNG DỤNG QUẢN LÍ PHÒNG KARAOKE**

*Người hướng dẫn*: **Thầy Vũ Đình Hồng**

*Người thực hiện*: **Bùi Hải Dương– 51503050**

**Trần Thế Châu– 51503092**

Lớp **: 15050303**

Khoá  **: 19**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019**

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Tôn Đức Thắng và sự hướng dẫn của thầy Vũ Đình Hồng chúng tôi thực hiện đồ án về xây dựng phần mềm quản lí karaoke.

Để hoàn thành đồ án môn công nghệ phần mềm, chúng tôi xin chân thành cảm ơn thầy cô đã tận tình hướng dẫn, giảng dạy trong suốt quá trình học tập. Mặc dù đã có nhiều cố gắng và nỗ lực để hoàn thành, nhưng chúng tôi vẫn có những hạn chế về kinh nghiệm và thiếu sót mà bản thân nhận ra được. Chúng tôi rất mong sự góp ý chân thành của thầy cô để có thể rút kinh nghiệm cũng như hoàn thiện đồ án một cách tốt nhất.

Chúng tôi xin chân thành cảm !

**ĐỒ ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm đồ án của riêng chúng tôi và được sự hướng dẫn của Thầy Vũ Đình Hồng. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong đồ án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đồ án của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2019*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Bùi Hải Dương*

*Trần Thế Châu*

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

**Phần xác nhận của GV hướng dẫn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

**Phần đánh giá của GV chấm bài**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

TÓM TẮT

Chúng tôi thực hiện đồ án môn Chuyên đề công nghệ phần mềm về xây dựng phần mềm quản lý Karaoke. Trong đó, chúng tôi thực hiện về Tài liệu SRS: vẽ sơ đồ use-case, đặc tả use-case, vẽ sơ đồ lớp, sơ đồ tuần tự cho từng chức năng, thiết kế giao diện, hiện thực phần mềm và kiểm thử.

MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN i](#_Toc19044236)

[PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN iii](#_Toc19044237)

[TÓM TẮT iv](#_Toc19044238)

[MỤC LỤC 1](#_Toc19044239)

[DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ 2](#_Toc19044240)

[CHƯƠNG 1 – ĐẶC TẢ 4](#_Toc19044241)

[1.1 Các hoạt động nghiệp vụ: 4](#_Toc19044242)

[1.2 Các yêu cầu hệ thống 5](#_Toc19044243)

[CHƯƠNG 2 – TÀI LIỆU SRS 6](#_Toc19044244)

[2.1 Xác định Actor và Use-case 6](#_Toc19044245)

[2.2 Usecase description 7](#_Toc19044246)

[2.2.1 Đăng kí làm thành viên 7](#_Toc19044247)

[2.2.2 Quản lí thành viên (xem, xóa, sửa) 8](#_Toc19044248)

[2.2.3 Đặt phòng 11](#_Toc19044249)

[2.2.3 Quản lí phòng 12](#_Toc19044250)

[2.2.4 Gọi dịch vụ đồ ăn 15](#_Toc19044251)

[2.2.5 Kiểm tra lịch sử gọi món và xóa 16](#_Toc19044252)

[2.2.6 Thanh toán 17](#_Toc19044253)

[2.2.7 Kiểm tra chi tiết hóa đơn 18](#_Toc19044254)

[2.2.8 Thống kê doanh thu 19](#_Toc19044255)

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

**DANH MỤC HÌNH**

**DANH MỤC BẢNG**

[Table 1 Usecase Description Register Member 8](#_Toc19044262)

[Table 2 Usecase Description View Member 8](#_Toc19044263)

[Table 3 Usecase Description Remove Member 9](#_Toc19044264)

[Table 4 Usecase Description Edit Member 10](#_Toc19044265)

[Table 5 Usecase Description Book Room 11](#_Toc19044266)

[Table 6 Usecase Description Manager Room 12](#_Toc19044267)

[Table 7 Usecase Description Edit Room Booking 13](#_Toc19044268)

[Table 8 Usecase Description Remove Booking 14](#_Toc19044269)

[Table 9 Usecase Description Order Services 15](#_Toc19044270)

[Table 10 Usecase Description Remove Order 16](#_Toc19044271)

[Table 11 Usecase Description Check Out 17](#_Toc19044272)

[Table 12 Usecase Description Check Invoice 18](#_Toc19044273)

[Table 13 Usecase Description Statistical 19](#_Toc19044274)

CHƯƠNG 1 – ĐẶC TẢ

1.1 Các hoạt động nghiệp vụ:

Các hoạt động nghiệp vụ của resort thường được tóm tắt như sau:

* Nhân viên sẽ đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ.
* Nếu là khách hàng muốn đăng kí thẻ thành viên thì nhân viên sẽ tạo và đăng kí thẻ thành viên cho họ với các thông tin được lưu: CMND, họ và tên, giới tính, ngày sinh, Số điện thoại, địa chỉ và ngày tạo.CMND sẽ được chọn làm khóa chính và được sử dụng để định danh khách hàng cho các dịch vụ sử dụng.
* Nếu khách hàng là khách vãng lai thì vẫn có thể đặt phòng, sử dụng dịch vụ như bình thường thông qua tên phòng.
* Khách hàng có thể đặt phòng karaoke thông qua nhân viên tại quầy với thẻ thành viên hoặc gọi điện báo trước. Tại đây khách hàng sẽ lựa chọn loại phòng, số người, ngày đến, ngày đi, xem giá và đặt cọc tiền trước. Nhân viên sẽ đặt phòng cho khách dựa trên các thông tin đã khai. 1 thẻ thành viên có thể đặt được nhiều phòng khác nhau để phục vụ cho gia đình, doanh nghiệp…Nếu ngày đi không rõ ràng thì nhân viên sẽ để trống cho đến khi khách hàng xác định được hoặc tính tiền (áp dụng tới thời điểm hiện tại)
* Khi khách hàng muốn kiểm tra lịch, thông tin thẻ thành viên có thẻ liên hệ trực tiếp tới quầy tiếp tân. Nếu có bất kì việc gì sai sót hoặc muốn chỉnh sửa thì nhân viên sẽ sẵn long phục vụ. Ví dụ: Muốn dời ngày đến, đổi loại phòng, đổi ngày sinh trong thẻ thành viên…
* Các dịch vụ khác như:
* Gọi đồ ăn, nước uống (loại đồ ăn, giá). Nếu khách hàng có nhu cầu thì có thể gọi điện tới quầy hay trực tiếp gặp nhân viên phục vụ để order. Nhân viên sẽ kiểm tra hàng và báo giá tới cho khách. Quí khách có thể thanh toán trực tiếp ngay khi nhận hàng hoặc cộng tiền vào hóa đơn thuê phòng, dịch vụ…
* Thanh toán tiền phòng, phí dịch vụ.
* In hóa đơn lúc thanh toán, kiểm tra lại hóa đơn.
* Thống kê doanh thu theo ngày/ tháng /năm hoặc từ ngày nào đến ngày nào.

1.2 Các yêu cầu hệ thống

Hệ thống quản lí phòng karaoke được thiết kế nhằm thực hiện các chức năng sau:

* Đăng kí thành viên.
* Đăng nhập hệ thống.
* Chỉnh sửa thông tin thành viên nếu có yêu cầu hoặc sai sót.
* Đặt phòng và chỉnh sửa thông tin liên quan tới việc đặt phòng như hủy, chọn phòng khác, đổi phòng vip, số người…
* Kiểm tra danh sách các phòng.
* Order đồ ăn và nước uống, hủy hoặc thêm số lượng…
* Thống kê doanh thu
* Kiểm tra hóa đơn.
* Thanh toán/ in hóa đơn.

CHƯƠNG 2 – TÀI LIỆU SRS

2.1 Xác định Actor và Use-case

* Xác định Actor:
* Thành viên
* Khách vãng lai
* Nhân viên
* Xác định use-case:
* Đăng nhập
* Đăng ký thẻ thành viên
* Quản lí thành viên:
  + Chỉnh sửa
  + Xóa
  + Tìm kiếm
* Đặt phòng
* Kiểm tra phòng
  + Gia hạn thời gian cho thuê
  + Chỉnh sửa ngày đặt phòng
  + Hủy lịch đặt
* Order đồ ăn và nước
* Kiểm tra lịch sử Order
* Kiểm tra lịch sử đặt phòng
* Thanh toán
* Xem chi tiết hóa đơn
* Xem lịch sử hóa đơn
* In hóa đơn
* Thống kê doanh thu

2.2 Usecase description

2.2.1 Đăng kí làm thành viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Register Member | |
| **Scenario** | Khách hàng muốn đăng ký thành viên | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn New Member trong Phần mêm | |
| **Brief Description** | Khi khách hàng mong chờ những ưu đãi và dễ dàng hơn trong việc đặt phòng. Khách có thể đăng ký thành viên tại quầy. Hệ thống ghi nhận thông tin khách hàng là hợp lệ hay không tùy thuộc vào tên tài khoản hoặc CMND có trùng với cơ sở dữ liệu trong hệ thống hay không. | |
| **Actors** | Khách hàng | |
| **Related Usecase** | Đăng nhập | |
| **Strake holders** | Không có | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống | |
| **Post-Condition** | Nếu use case thực hiện thành công, quá trình đăng ký sẽ đóng. Nếu không, hệ thống sẽ thông báo lỗi. | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên truy cấp vào hệ thống 2. Chọn “New Member” 3. Điền các thông tin trong form đăng ký 4. Summit lên hệ thống bằng cách chọn “Đăng ký” trong form | * 1. Tạo form dăng ký   2. Check thông tin (tên tài khoản, CMND) hợp lệ      1. Thông tin không hợp lệ => Thông báo lỗi      2. Thông tin hợp lệ => Tạo tài khoản trong csdl   3. Hoàn tất đăng ký |
| **Exception-Condition** | * 1. Nếu một trong các thông tin trong form đăng ký bị bỏ trống. Hiển thị thông báo lỗi tương ứng. | |

Table 1 Usecase Description Register Member

2.2.2 Quản lí thành viên (xem, xóa, sửa)

Kiểm tra thành viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | View Member | |
| **Scenario** | Nhân viên muốn kiểm tra thông tin chi tiết thành viên | |
| **Triggering Event** | Nhân viến ấn vào Manager Member | |
| **Brief Description** | Kiểm tra thông tin chi tiết thành viên | |
| **Actors** | Nhân viên (Actor kích hoạt usecase) | |
| **Related Usecase** | Đăng nhập phần mềm, Quản lý nhân viên | |
| **Strake holders** | Chỉnh sửa nhân viên, Xóa nhân viên | |
| **Pre-Condition** | Login vào hệ thống | |
| **Post-Condition** | Dach sách nhân viên có thể chọn chi tiết | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên đăng nhập vào phần mềm hệ thống 2. Chọn Quản lý thành viên 3. Chọn thành viên cụ thể 4. Hiển thị thông tin | 1. Kiểm tra đăng nhập 2. Chuyển đến Form 3. Liệt kê danh sách thành viên |
| **Exception-Condition** | Không có thành viên để hiển thị | |

Table 2 Usecase Description View Member

Xóa thành viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Remove Member | |
| **Scenario** | Nhân viên xóa tài khoản thành viên khỏi phần mềm hệ thống | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào nút xóa thành viên sau khi chọn trong quản lý thành viên trong phần mềm | |
| **Brief Description** | Khi Nhân viên muốn xóa tài khoản thành viên do lỗi hay vấn đề sai khi lấy thông tin. | |
| **Actors** | Nhân viên (Actor kích hoạt usecase) | |
| **Related Usecase** | Đăng nhập phần mềm, Quản lý nhân viên | |
| **Strake holders** |  | |
| **Pre-Condition** | Phải có tài khoản thành viên cần xóa trước đó | |
| **Post-Condition** | Tài khoản thành viên được xóa thành công | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn Quản lý thành viên 3. Chọn tài khoản thành viên cần xóa trong danh sách 4. Chọn Xóa thành viên | 2. Xóa nhân viên trong database  3. Thông báo xóa thành công |
| **Exception-Condition** | Nếu phần mềm chưa có tài khoản thành viên nào thì thông báo exception | |

Table 3 Usecase Description Remove Member

Chỉnh sửa thành viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Edit Member | |
| **Scenario** | Nhân viên cập nhật thông tin chưa nhập hoặc sửa thông tin nhập sai trước đó của tài khoản thành viên trong phần mềm | |
| **Triggering Event** | Nhân viên chọn thành viên trong quản lý thành viên trong phần mềm thực hiện những thay đổi sau đó bấm lưu. | |
| **Brief Description** | Khi Nhân viên muốn cập nhật thông tin nhân viên thì thực hiện việc sửa tài khoản của thành viên đó trong phần mềm | |
| **Actors** | Nhân viên (Actor kích hoạt usecase) | |
| **Related Usecase** | Đăng nhập phần mềm, Quản lý thành viên | |
| **Strake holders** |  | |
| **Pre-Condition** | Phải có tài khoản thành viên cần cập nhật trước đó | |
| **Post-Condition** | Tài khoản thành viên được cập nhật thành công hoặc thất bại | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn Quản lý thành viên 3. Chọn tài khoản thành viên cần sửa trong danh sách 4. Thực hiện việc cập nhật thông tin tài khoản thành viên 5. Ấn lưu. | 1. Kiểm tra mã thành viên sau khi sửa(nếu có) có trùng hoặc để null ko 2. Thông báo cập nhật thông tin thành công hoặc thất bại |
| **Exception-Condition** | Nếu phần mềm chưa có tài khoản thành viên nào thì thông báo exception | |

Table 4 Usecase Description Edit Member

2.2.3 Đặt phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Book Room | |
| **Scenario** | Phục vụ cho các khách hàng đặt phòng karaoke | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào nút Đặt phòng trong hệ thống | |
| **Brief Description** | Chức năng đặt phòng karaoke: bán có thể đặt trước hay đặt ngay tức thì với 2 lựa chọn là khách vãng lai hay thành viên. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Quản lí phòng, Danh sách phòng | |
| **Strake holders** |  | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống | |
| **Post-Condition** | Gửi lại kết quả đặt phòng | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn Đặt phòng 3. Chọn các thông tin trong form 4. Nhân kết quả 5. Thông báo khách hàng | 1. Kiểm trang đăng nhập 2. Hiển thị form Menu 3. Hiển thị form đặt phòng 4. Xử lí kết quả nhận 5. Gửi kết quả |
| **Exception-Condition** | Nếu phòng đã có người đặt thì gửi về kết quả Đã có người đặt. | |

Table 5 Usecase Description Book Room

2.2.3 Quản lí phòng

Xem danh sách chi tiết các phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | View Room | |
| **Scenario** | Tổng quát cái nhìn về các phòng hiện tại | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào nút Manager Room | |
| **Brief Description** | Show up toàn bộ các phòng karaoke hiện có bao gồm đã có người đặt và chưa. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Quản lí phòng, Danh sách phòng, Đặt phòng | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống | |
| **Post-Condition** | Toàn bộ danh sách tất cả các phòng | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Quản lí phòng  3. Hiển thị danh sách các phòng | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Menu  3.Hiển thị form quản lí phòng. |
| **Exception-Condition** |  | |

Table 6 Usecase Description Manager Room

Gia hạn chỉnh sửa lịch đặt phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Edit Room Booking | |
| **Scenario** | Chỉnh sửa thông tin các phòng đã đặt | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào nút Manager Room | |
| **Brief Description** | Sau khi chọn được phòng hay lịch phòng, nhân viên chọn những khoảng thời gian để chỉnh sửa. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Quản lí phòng, Danh sách phòng, Đặt phòng | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, chọn được lịch cần chỉnh sửa | |
| **Post-Condition** | Toàn bộ danh sách tất cả các phòng | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Quản lí phòng  3. Hiển thị danh sách các phòng  4.Chọn phòng hoặc lịch cần sửa.  5.Gia hạn lịch.  6.Confirm | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Menu  3.Hiển thị form quản lí phòng.  4.Show information that Roombooking  5.Show button fix  6.Confirm or Deny |
| **Exception-Condition** |  | |

Table 7 Usecase Description Edit Room Booking

Hủy lịch đặt phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Remove Room Booking | |
| **Scenario** | Xóa lịch đặt phòng | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào nút Manager Room, chọn lịch đặt và ấn remove | |
| **Brief Description** | Sau khi chọn được phòng hay lịch phòng, nhân viên chọn remove. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Quản lí phòng, Danh sách phòng, Đặt phòng | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, chọn được lịch cần đẻ xóa | |
| **Post-Condition** | Toàn bộ danh sách tất cả các phòng | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Quản lí phòng  3. Hiển thị danh sách các phòng  4.Chọn phòng hoặc lịch cần Xóa.  5.Hiển thị hộp thoại alert.  6.Confirm | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Menu  3.Hiển thị form quản lí phòng.  4.Show information that Roombooking  5.Show button fix  6.Confirm or Deny |
| **Exception-Condition** |  | |

Table 8 Usecase Description Remove Booking

2.2.4 Gọi dịch vụ đồ ăn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | OrderfoodandBeverage | |
| **Scenario** | Khách hàng gọi đồ ăn thức uống vào phòng | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào Tab Menu Services chọn các loại đồ ăn thức uống khách hàng yêu cầu chọn phòng và xác nhận. | |
| **Brief Description** | Khách hàng sau khi gọi đồ ăn nước uống sẽ được cộng dồn vào hóa đơn khi thanh toán | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | List Order, Remove Order. | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, chọn tab Menu dịch vụ | |
| **Post-Condition** | Thêm vào list Order | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Dịch vụ  3. Hiển thị danh sách các món ăn nước uống  4.Chọn theo nhu cầu khác.  5.Xác nhận | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Menu  3.Hiển thị form dịch vụ.  4.Pick item on menu  5. Confirm |
| **Exception-Condition** | Không có món ăn khách hàng yêu cầu. Thông báo lại cho khách. | |

Table 9 Usecase Description Order Services

2.2.5 Kiểm tra lịch sử gọi món và xóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | RemoveOrder | |
| **Scenario** | Xóa những yêu cầu dịch vụ của khách hàng | |
| **Triggering Event** | Nhân viên ấn vào Tab Menu Services chọn List Order | |
| **Brief Description** | Khách hàng sau khi gọi đồ ăn nước uống nhưng do được khuyến mãi hay không có nhu cầu sử dụng hoặc làm nữa có thể hủy bỏ | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | List Order, Remove Order, Order | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống, chọn tab Menu dịch vụ, khách hàng đã gọi dịch vụ trước đó | |
| **Post-Condition** | Xóa Order đã chọn | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Dịch vụ  3. Hiển thị danh sách các món ăn nước uống  4.Chọn theo nhu cầu khách.  5.Xóa | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Menu  3.Hiển thị form dịch vụ list order.  4.Pick item on menu  5. Remove Confirm |
| **Exception-Condition** | Không có món ăn khách hàng yêu cầu. Thông báo lại cho khách. | |

Table 10 Usecase Description Remove Order

2.2.6 Thanh toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | CheckOut | |
| **Scenario** | Thanh toán tính tiền ra về | |
| **Triggering Event** | Nhân viên chọn phòng nào để thanh toán hoặc bấm theo mã số thành viên sau đó bấm check out | |
| **Brief Description** | Khách hàng đã sử dụng xong dịch vụ và muốn thanh toán. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Check Invoice, Print Invoice | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Khách hàng đặt phòng, kêu dịch vụ… | |
| **Post-Condition** | Hóa đơn tính tiền | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Thanh toán  3. Chọn phòng cần thanh toán  4.In hóa đơn  5.Kiểm tra hóa đơn  6.Xác nhận | 1.Kiểm trang đăng nhập  2.Hiển thị form Thanh toán  3.Hiển thị list dịch vụ và tiền.  4.In hoa đơn  5. Xác nhận lưu vào database |
| **Exception-Condition** | Phòng không có ai hiển thị danh sách null. | |

Table 11 Usecase Description Check Out

2.2.7 Kiểm tra chi tiết hóa đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | CheckInvoice | |
| **Scenario** | Kiểm tra chi tiết hóa đơn | |
| **Triggering Event** | Nhân viên điền mã số hóa đơn và ấn check | |
| **Brief Description** | Khi có nhu cầu kiểm tra chi tiết 1 cái hóa đơn nào đó. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** | Check Invoice, Print Invoice | |
| **Strake holders** | Thành viên, khách vãng lai | |
| **Pre-Condition** | Hóa đơn đó đã được CheckOut thanh toán | |
| **Post-Condition** | Hiển thị chi tiết hóa đơn | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn CheckInvoice  3. Nhập Id hóa đơn  4.Hiển thị list thông tin chi tiết | 1.Kiểm trang đăng nhập  2. Hiển thị form Hóa đơn  3. Kiểm tra hó đơn nhập vào  4.In hoa đơn |
| **Exception-Condition** | Số hóa đơn không tồn tại hiển thi danh sách rỗng | |

Table 12 Usecase Description Check Invoice

2.2.8 Thống kê doanh thu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Usecase name** | Statistical | |
| **Scenario** | Thống kê doanh thu | |
| **Triggering Event** | Nhân viên chọn ngày from đến ngày to để xem doanh thu trong khoảng đó. | |
| **Brief Description** | Kiểm tra doanh thu dựa trên các hóa đơn được tính ra vào ngày đó từ đó tính được doanh thu. | |
| **Actors** | Nhân viên | |
| **Related Usecase** |  | |
| **Strake holders** |  | |
| **Pre-Condition** | Phải có các Hóa đơn | |
| **Post-Condition** | Hiển số tiền thống kê kiểm được | |
| **Flow** | **Actor** | **System** |
| 1.Nhân viên đăng nhập vào hệ thống  2.Chọn Statistical  3. Chọn ngày cần thống kê  4.Xác nhận | 1.Kiểm trang đăng nhập  2. Hiển thị form Thống kê  3. Xác nhận ngày nhập  4. Hiển thi danh sách hóa đơn và doanh thu |
| **Exception-Condition** | Sẽ là danh sách rỗng nếu chọn ngày không đúng | |

Table 13 Usecase Description Statistical